**PHẦN I: MỞ ĐẦU**

**THÔNG TIN CHUNG VỀ KINH NGHIỆM**

Tên kinh nghiệm**: *“Dạyhọc Luyện từ và câu kiểu bài Mở rộng vốn từ theo hướng phát triển năng lực cho học sinh lớp Ba”.***

Lĩnh vực áp dụng kinh nghiệm: Môn Tiếng Việt Lớp 3

 Tác giả:Phạm Thị Thu Hiền Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 20-4-1973

Trình độ chuyên môn: Đại học Tiểu học

Chức vụ: Giáo viên

Đơn vị công tác: **Trường Tiểu học Chí Minh1**

Điện thoại: 0987130814

4. Đơn vị áp dụng kinh nghiệm lần đầu: Trường Tiểu học Chí Minh 1.

5. Điều kiện áp dụng kinh nghiệm:

 Giáo viên cần nắm chắc mục tiêu của phân môn Luyện từ và câu. Tích cực tự học trau dồi kiến thức nâng cao trình độ chuyên môn, linh hoạt sử dụng các phương pháp dạy học.

6. Thời gian áp dụng kinh nghiệm lần đầu:

|  |  |
| --- | --- |
| HỌ TÊN TÁC GIẢPhạm Thị Thu Hiền | XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐƠN VỊ ÁP DỤNG KINH NGHIỆM |

**TÓM TẮT KINH NGHIỆM**

 **NỘI DUNG NGHIÊN CỨU**

 Kinh nghiệm: ***“Dạy học Luyện từ và câu kiểu bài Mở rộng vốn từ theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh lớp Ba”*** nhằm đưa ra một số phương pháp, biện pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh, giúp học sinh tự học, tự tìm tòi kiến thức cho chính bản thân học sinh. Học sinh được lĩnh hội kiến thức thông qua hệ thống bài tập. Các bài tập về mở rộng vốn từ vừa giúp học sinh hình thành kiến thức cần thiết về từ qua các chủ điểm vừa rèn kĩ năng giao tiếp giúp học sinh tự tin hứng thú trong học. Kinh nghiệm đưa ra một số biện pháp làm phong phú thêm vốn từ ngữ cho học sinh. Đồng thời giúp giáo viên định hướng, tổ chức giờ dạy phát huy hết khả năng sáng tạo của học sinh trong các giờ học. Qua đó giúp các em học sinh lớp Ba thªm yªu TiÕng ViÖt vµ h×nh thµnh thãi quen gi÷ g×n sù trong s¸ng, giµu ®Ñp cña TiÕng ViÖt, gãp phÇn h×nh thµnh nh©n c¸ch con ng­êi.

**MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU:**

 Trong giai đoạn đổi mới chương trình giáo dục phổ thông hiện nay, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh, giúp học sinh học tập một cách tích cực chủ động, tự giác là một yêu cầu cấp thiết đối với ngành giáo dục. Hiện nay việc đổi mới phương pháp dạy học là một yêu cầu cấp bách đối với mỗi giáo viên. Mà bên cạnh đó còn không ít giáo viên hạn chế về phương pháp sư phạm, hình thức tổ chức dạy học. Đặc biệt, đối với phân môn Luyện từ và câu, chưa nắm bắt được hết sự hiểu biết về nghĩa của từ, cách sử dụng từ để viết và diễn đạt thành câu của học sinh. Đây quả là đáng lo ngại với chúng ta - những người làm công tác giáo dục nên tôi đã đưa ra kinh nghiệm dạy học nhằm tạo hứng thú cho học sinh lớp 3 khi dạy kiểu bài Mở rộng vốn từ. Song muèn thùc hiÖn ®­îc ®Ò tµi ®ßi hái mçi gi¸o viªn trùc tiÕp ®øng líp ph¶i cã nghÞ lùc, lßng quyÕt t©m cao, hay nãi c¸ch kh¸c lµ ph¶i ®æi míi c¸ch nghÜ, c¸ch lµm víi môc ®Ých lµ ®æi míi ph­¬ng ph¸p d¹y häc giúphọc sinh tiÕp thu kiÕn thøc một cách chủ động làm tiết học diễn một cách tự nhiên, nhÑ nhµng vµ hiÖu qu¶.

**PHẦN II: NỘI DUNG**

 **1. CƠ SỞ LÍ LUẬN:**

 Chương trình Tiếng Việt ở Tiểu học gồm 3 nội dung chính có quan hệ mật thiết với nhau, đó là: Kĩ năng sử dụng tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết) thông qua các hình thức luyện tập: tập đọc, học thuộc lòng, tập viết, viết chính tả, tập làm văn; luyện nghe, luyện nói (qua luyện nói, kể chuyện, làm văn miệng, tập nói trong các tình huống giao tiếp). Tri thức tiếng Việt gồm một số hiểu biết sơ giản về ngữ âm, chính tả, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ pháp, văn bản, phong cách. Những tri thức làm cơ sở cho việc rèn luyện 4 kĩ năng (nghe, nói, đọc, viết). Trong đó tri thức từ vựng ngữ pháp có vai trò trung tâm. Nội dung ngữ liệu để học Tiếng Việt mang tính tích hợp nhằm cung cấp một số hiểu biết tối thiểu về văn học và cách tiếp cận văn học, về tự nhiên, xã hội, đất nước và con người Việt Nam. Bằng việc dạy học Tiếng Việt, góp phần rèn luyện các thao tác tư duy và cung cấp cho học sinh những kiến thức sơ giản về Tiếng Việt, xã hội, tự nhiên, con người; về văn hoá, văn học Việt Nam và nước ngoài. Qua các bài học theo chủ điểm, học sinh dần được làm quen với các lĩnh vực về đời sống, nhờ đó tăng cường vốn từ, vốn diễn đạt của các em về nhà trường, gia đình, xã hội nhằm tăng cường giáo dục kĩ năng sống cho học sinh. Đồng thời, nhờ cánh cửa văn học hé mở giúp các em bước vào thế giới xung quanh và soi vào tâm hồn của chính mình. Từ đó, các em sẽ thêm yêu Tiếng Việt và hình thành thói quen giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của Tiếng Việt, góp phần hình thành nhân cách con người Việt Nam Xã hội chủ nghĩa.

 Trong đó, phân môn Luyện từ và câu có nhiệm vụ đặc biệt quan trọng vì Luyện từ và câu cung cấp cho học sinh vốn hiểu biết về nghĩa của từ, kĩ năng dùng từ đặt câu (kĩ năng nói, viết ), kĩ năng đọc... Ph©n m«n luyÖn tõ vµ c©u líp 3 cã d¹ng bµi më réng vèn tõ víi mét l­îng bµi kh¸ lín. C¸c bµi tËp vÒ më réng vèn tõ võa gióp häc sinh líp 3 h×nh thµnh kiÕn thøc cÇn thiÕt vÒ tõ qua c¸c chñ ®iÓm võa rÌn kÜ n¨ng giao tiÕp mét c¸ch sinh ®éng.

 Mặc dù ở mức độ đơn giản, song điều mà mỗi người chúng ta từng biết là khi vốn từ của học sinh càng phong phú bao nhiêu thì khả năng lựa chọn từ càng rộng, càng chính xác, sự bày tỏ tư tưởng, tình cảm càng rõ ràng, đặc sắc bấy nhiêu. Từ đó mà các em nói, viết câu thường hay bị nhầm lẫn mục đích.

 V× vËy, t«i ®· tôi quyết định lựa chọn, nghiªn cøu kinh nghiệm ***“Dạyhọc Luyện từ và câu kiểu bài Mở rộng vốn từ theo hướng phát triển năng lực cho học sinh lớp Ba”*** và m¹nh d¹n ®­a ra mét sè gi¶i ph¸p kh¾c phôc khã kh¨n trong gi¶ng d¹y nh»m gióp c¸c em häc sinh líp Ba häc tËp tù gi¸c, yªu thÝch m«n häc ®Ó cã hiÖu qu¶ cao, gãp phÇn n©ng cao chÊt l­îng häc m«n TiÕng ViÖt, b¶o tån, quý träng ng«n ng÷ ViÖt Nam.

**2. THỰC TRẠNG CỦA VIỆC DẠY HỌC PHÂN MÔN LUYỆN TỪ VÀ CÂU.**

**2.1 Những thuận lợi và khó khăn:**

**2.1.1. Thuận lợi:**

 Việc dạy và học trong các nhà trường đã nhận được sự quan tâm của toàn xã hội. Chất lượng giáo dục không ngừng được đổi mới và nâng lên. Nhiều giáo viên đã tích cực tự học, tự bồi dưỡng, đổi mới phương pháp, tích cực hoá phương pháp đến người học đã có hiệu quả khá tốt. Vì vậy mà nhiều tiết học đã thực sự lôi cuốn các em bằng nhiều hoạt động phong phú, tác động tốt đến tiềm năng của mỗi học sinh. Các em đã mạnh dạn tự nói ra những suy nghĩ của mình, thể hiện sự sáng tạo, thông minh.

2.1.2. Khó khăn :

***\*Về phía giáo viên:***

 - Bên cạnh những thuận lợi nêu trên thì không ít giáo viên khả năng phối hợp giữa các phương pháp dạy học chưa tốt, vẫn ít nhiều nặng về làm mẫu, giảng giải, chưa tự tin mạnh dạn áp dụng những phương pháp mới mà bản thân mình cho là phù hợp để đem lại hiệu quả cao.

- Việc chuẩn bị bài dạy chưa chu đáo, ngại sử dụng đồ dùng dạy học vì sợ"cháy giáo án", dẫn đến khi có người dự giờ mới sử dụng đồ dùng nên thường lúng túng không biết đưa vào lúc nào, sử dụng thế nào sao cho hợp lí.

 - Vốn kiến thức về từ ngữ của một số giáo viên còn hạn chế nên việc giải nghĩa từ thiếu chính xác, không có sự liên kết với các từ trong cùng nhóm, cùng loại.

 - Hoạt động của giáo viên nhiều hơn học sinh nên các em thường thụ động tiếp thu kiến thức dẫn đến khả năng giao tiếp còn hạn chế.

 - Giáo viên quá lệ thuộc vào Sách giáo khoa, sách giáo viên nên tiết dạy tẻ nhạt, đơn điệu, học sinh ít hứng thú, tập trung.

 ***\* Về phía học sinh:***

 Phần lớn học sinh ở vùng nông thôn nên vốn từ và việc hiểu nghĩa từ còn hạn chế, diễn đạt lúng túng, thiếu chính xác. Vì thế mà sử dụng từ để nói, viết câu còn sai nhiều về ngữ pháp dẫn đến ý thức học tập qua loa chiếu lệ.

 **2.2. Những giải pháp cũ thường thực hiện:**

 Ngoài ra, qua dự giờ thăm lớp và tìm hiểu thực tế giảng dạy, trao đổi kinh nghiệm ở một số giáo viên đã từng dạy phân môn Luyện từ và câu - Lớp 3 của trường Tiểu học trên địa bàn huyện Tứ Kỳ, tôi nhận thấy hầu hết các tiết dạy Luyện từ và câu, kiểu bài tập về "*Mở rộng vốn từ*" ở lớp Ba thường diễn ra theo trình tự như sau:

 **I. Kiểm tra bài cũ:**

 **II. Bài mới:**

 1. Giới thiệu bài:

 Giáo viên nêu mục đích, yêu cầu của tiết học.

 2. Hướng dẫn làm bài tập:

 Đa số giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập theo 5 bước:

 Bước 1: Giúp học sinh nắm vững yêu cầu của bài tập.

 Bước 2: Cho học sinh làm bài tập ( Cá nhân, nhóm, làm nháp, trò chơi...)

 Bước 3: Nêu kết quả.

 Bước 4: Giáo viên và học sinh nhận xét, bổ sung.

 Bước 5: Thống nhất đáp án của bài tập.

 ( Ngoài ra, tuỳ từng nội dung yêu cầu của mỗi bài tập mà giáo viên có thể đưa ra một số bước dạy khác )

 3. Củng cố, dặn dò:

 - Giáo viên nhận xét tiết học

 - Nhắc nhở học sinh học bài ở nhà.

 \* Với tiết dạy như vậy tôi rút ra một số nhận xét sau:

 \* Ưu điểm:

 - Giáo viên xác định đúng mục tiêu của phân môn Luyện từ và câu.

 - Trong giờ học, giáo viên đã phối hợp một số phương pháp: hỏi - đáp; học nhóm, tổ chức trò chơi.

 - Học sinh được hoạt động nhiều.

 - Kết quả: Đa số học sinh đã làm được bài theo yêu cầu.

 \* Nhược điểm:

 - Việc gợi mở, định hướng cho học sinh hiểu từ và làm phong phú vốn từ còn hạn chế, chưa giúp học sinh liên tưởng đến các sự vật, hiện tượng xung quanh các em. Ở một số từ có nghĩa trừu tượng giáo viên còn lúng túng, chưa biết dựa vào ngữ cảnh để giúp học sinh tìm hiểu từ cho đúng phương hướng, dẫn đến tình trạng học sinh sử dụng từ trong câu còn hạn chế.

 - Sử dụng đồ dùng dạy học ít linh hoạt, chưa phát huy được tác dụng triệt để của tranh ảnh để tìm từ, gây kích thích, hứng thú học tập cho học sinh.

 Như vậy, từ thực trạng trên tôi thấy việc dạy Luyện từ và câu đặc biệt là tìm hiểu - mở rộng sử dụng từ cho học sinh cần phải được quan tâm hơn và có nhiều biện pháp để đổi mới cách dạy- học sao cho đạt kết quả cao hơn.

 Để có minh chứng nghiên cứu đề tài, chúng tôi đã tiến hành điều tra tìm hiểu vốn từ, sự hiểu nghĩa của từ, việc sử dụng từ của học sinh qua khảo sát chất lượng ở hai lớp 3A và 3B. Đây là hai lớp có trình độ học tập tương đương nhau.

Kết quả khảo sát như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số |  VỐN TỪ |  HIỂU NGHĨA TỪ |
| Tìm đúng từ | Tìm chưa chính xác | Không tìm được | Hiểu đúng nghĩa | Hiểu chưa đúng | Không hiểu |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 3A |  30 | 18 | 60 | 8 | 26,7 | 4 | 13.3 | 17 | 56,7 | 9 | 30 | 4 | 13,3 |
| 3B | 30 | 17 | 56,7 | 10 | 33,3 | 3 | 10 | 16 | 53,4 | 10 | 33,3 | 4 | 13.3 |

 Dựa trên số liệu khảo sát và phân tích cho thấy: việc tìm từ và nhận biết nghĩa của từ (tuy ở mức độ dễ) nhưng các em còn hạn chế, dẫn đến tình trạng sử dụng từ hiệu quả chưa cao.

 Khi tiếp xúc với học sinh, đa số các em đều nói: Đây là môn học không phải là dễ, có một số từ trừu tượng các em khó hiểu như chủ đề " *Thành thị, nông thôn"; " Các dân tộc"; " Cộng đồng"...*

 Như vậy, từ thực trạng trên tôi thấy việc dạy Luyện từ và câu cho học sinh cần phải được quan tâm hơn và có nhiều biện pháp để đổi mới cách dạy- học sao cho đạt kết quả cao hơn.

**3. Các phương pháp thường sử dụng *dạy học theo hướng phát triển năng lực***

3.1. Phương pháp quan sát

 \* Khái niệm:

 Phương pháp quan sát là phương pháp trong đó giáo viên tổ chức cho học sinh sử dụng các giác quan để quan sát đối với các đối tượng trong tự nhiên và xã hội. Đối tượng quan sát của học sinh không chỉ là tranh ảnh, mẫu vật, mô hình mà còn là khung cảnh gia đình, lớp học, cây cối, con người và một số sự vật, hiệntượng diễn ra hằng ngày trong tự nhiên và xã hội.

 \* Vai trò của phương pháp quan sát trong phát triển năng lực:

 Thực hiện phương pháp quan sát sẽ giúp cho hình thành, phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên và góp phầnphát triển năng lực tự học (khi học sinh được quan sát, tìm tòi kiến thức), năng lực giải quyết vấn đề (khi họcsinh từ quan sát phát hiện vấn đề hoặc từ quan sát thu thập thông tin để giải quyết vấn đề)

 \* Cách tiến hành:

Bước 1 : Lựa chọn đối tượng quan sát.

Bước 2 : Xác định mục đích quan sát.

Bước 3 : Tổ chức và hướng dẫn học sinh quan sát.

Bước 4 : Xử lý thông tin đã thu thập được để rút ra kết luận.

Bước 5 : Báo cáo kết quả quan sát được về đối tượng.

 3. 2. Phương pháp thảo luận nhóm.

 \* Khái niệm:

 Học theo nhóm là hình thức học tập có sự hợp tác của nhiều thành viên trong lớp nhằm giải quyết nhữngnhiệm vụ học tập chung.

 \* Vai trò của thảo luận nhóm trong phát triển năng lực cho học sinh:

 Đây là phương pháp quan trọng giúp hình thành và phát triển năng lực cho học sinh vì hoạt động nhóm giúp tạo nên một môi trường giao tiếp tự nhiên, thuận lợi, trong đó học sinh được tham gia một cách chủ động vàoquá trình học tập, được chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, ý kiến của bản thân để giải quyết các vấn đề có liênquan đến nội dung bài học; các em được giao lưu, học hỏi lẫn nhau; cùng nhau hợp tác giải quyết nhữngnhiệm vụ chung.

 \* Cách tiến hành:

Bước 1: Giới thiệu chủ đề, chia nhóm, giao nhiệm vụ, quy định thời gian và phân công vị trí làm việc.

Bước 2: Các nhóm thảo luận.

Bước 3: Đại diện nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác quan sát, lắng nghe, chất vấn, bình luận, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Tổng kết.

3.3. Phương pháp trò chơi học tập.

 \* Khái niệm:

- Trò chơi học tập là phương pháp tổ chức cho học sinh tìm hiểu một vấn đề hay thựchiện những hành động,những thái độ, những việc làm thông qua một trò chơi nào đó.

 \* Vai trò của trò chơi học tập trong phát triển năng lực:

- Kích thích hứng thú, nhu cầu tham gia các hoạt động học tập.

- Tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh, phát huy tính tự lập, sáng tạo, nhanh trí, tinh thần tập thể.

- Phát triển trí tuệ cho học sinh. Tập dượt các kĩ năng xã hội để các em có thể hòa nhập vào cuộc sông hằng ngày.

 \* Cách tiến hành:

 Bước 1: Chuẩn bị:

 - Thiết kế trò chơi: Cần xác định: Tên trò chơi, nội dung, cách chơi, cách phân thắng thua,....

 - Chuẩn bị phương tiện phục vụ trò chơi.

 - Dự kiến khả năng thực hiện của học sinh, thời gian, trọng tài,...

 Bước 2: Tổ chức cho học sinh thực hiện trò chơi.

 Bước 3: Tổng kết, đánh giá.

3.4. Phương pháp Đóng vai

 \* Khái niệm

 Đóng vai là phương pháp tổ chức cho học sinh tham gia giải quyết vấn đề trong một tình huống qua một vai diễn xuất.

 \* Vai trò của phương pháp đóng vai trong phát triển năng lực:

- Học sinh được rèn luyện, thực hành những kĩ năng ứng xử.

- Gây hứng thú và chú ý cho học sinh.

- Tạo điều kiện phát triển óc sáng tạo của học sinh.

- Khích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của học sinh theo hướng tích cực.

 \* Cách tiến hành:

Bước 1: Chuẩn bị: Lựa chọn tình huống: xác định các nhân vật;...

Bước 2: Tổ chức cho học sinh đóng vai:

- Chia nhóm và giao tình huống, yêu cầu đóng vai cho từng nhóm, trong đó có quy định rõ thời gian chuẩn bị,thời gian đóng vai của mỗi nhóm.

- Các nhóm thảo luận chuẩn bị đóng vai.

- Các nhóm lên đóng vai.

Bước 3: Tổng kết, đánh giá

- Cả lớp thảo luận, nhận xét về các vai diễn.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá chung.

3.5. Phương pháp động não

 \* Khái niệm

 Động não là phương pháp dạy học trong đó giáo viên tổ chức cho học sinh trong một thời gian ngắn có thể nảysinh được nhiều ý tưởng, nhiều giả định về một vấn đề nào đó.

 \* Vai trò của phương pháp động não trong phát triển năng lực:

 - Trả lời nhanh: trong một thời gian ngắn có thể thu được nhiều ýtưởng, nhiều câu trả lời của học sinh,

- Học sinh thoải mái trong việc tham gia vào các hoạt động mà không quan tâm đến những hạn chế của cánhân. Kích thích tư duy, phát triển tư duy sáng tạo của học sinh qua việc các em suy nghĩ nêu ra các ý tưởng.

 \* Cách tiến hành:

Bước 1: Lựa chọn và nêu vấn để cần tìm hiểu cho học sinh. Giáo viên nêu các vấn đề cho học sinh trước lớp hoặc nhóm.

Bước 2: Tổ chức cho học sinh phát biểu ý kiến:

+ Khích lệ học sinh.

+ Liệt kê tất cả các ý kiến phát biểu và trực quan hoá các ý kiến (chỉ trừ các ý kiến trùng lặp).

+ Làm rõ hơn những ý kiến chưa rõ và giúp học sinh thảo luận một số ý cần thiết, tạo điều kiện cho các em nêu các ý kiến thắc mắc, bổ sung.

Bước 3: Tổng hợp ý kiến, đánh giá và rút ra kết luận.

**4. CÁC BIỆN PHÁP CỤ THỂ:**

**4.1. Nghiên cứu chương trình, mục tiêu bài dạy, định hướng soạn, dạy:**

 Để một tiết dạy thành công mỗi giáo viên cần nghiên cứu kĩ toàn bộ chương trình để có cái nhìn tổng thể những kiến thức cần cung cấp cho học sinh, thấy được mối quan hệ giữa các kiến thức trong suốt một năm học, từng kỳ học.

 Đối với mỗi bài dạy, giáo viên phải nghiên cứu kĩ mục tiêu, chuẩn KTKN của bài xem cần cung cấp cho học sinh những kiến thức gì? giáo dục nhận thức, thái độ gì cho học sinh? Căn cứ vào tình hình thực tế của lớp, của nhà trường, của địa phương mà giáo viên có định hướng việc soạn, dạy cho phù hợp, hiệu quả.

**4.2. Chuẩn bị đồ dùng dạy học:**

Khi thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, việc sử dụng đồ dùng dạy học là cực kỳ quan trọng với tất cả các môn học. Đồ dùng dạy học quyết định sự thành công của một tiết dạy. Vì vậy, Căn cứ vào mục tiêu của từng bài, giáo viên cần xác định rõ việc chuẩn bị đồ dùng của giáo viên, của học sinh như vật thực, tranh ảnh (Có thể dùng tranh trong SGK nếu phù hợp, có thể chụp cảnh thực tế ở địa phương, có thể dùng một số tranh ảnh trên mạng nhưng phải hết sức lưu ý không nên quá lạm dụng tranh ảnh trên mạng). trước mỗi tiết dạy giáo viên cần chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng phục vụ cho tiết dạy của mình.

**4.3. Giảng dạy trên lớp:**

***4.3.1. Tăng cường tính chủ động nhận thức và khai thác vốn sống của học sinh:***

Để phấn đấu đạt được những yêu cầu về đổi mới phương pháp dạy học. Phát huy tính chủ động của học sinh, mỗi giáo viên cần tăng cường tính chủ động nhận thức của học sinh. Trong quá trình giảng dạy giáo viên phải biết dẫn dắt học sinh dựa vào kinh nghiệm cá nhân và vốn hiểu biết của mình giúp học sinh tự phát hiện kiến thức.

***4.3.2*. Dạy tốt các dạng bài: “Mở rộng vốn từ”**

 Nhiệm vụ chủ yếu của việc dạy từ ở lớp Ba là giúp học sinh mở rộng, phát triển vốn từ ( phong phú hoá vốn từ ); nắm nghĩa của từ ( chính xác hoá vốn từ ) và luyện tập sử dụng từ ( tích cực hoá vốn từ ). Trên cơ sở lí luận và thực tiễn việc dạy Luyện từ và câu về " hiểu và sử dụng từ", tôi thấy, nếu chỉ dừng lại ở việc dạy học như đã nêu ở phần trên thì quả thực tiết dạy chưa đạt được mục tiêu, nhiệm vụ của phân môn, dẫn đến tiết học nhàm chán, không phát huy được sáng tạo, khơi dậy khả năng về vốn từ cho học sinh.

 Vì thế, để phát huy hết những ưu điểm, khắc phục hạn chế của việc dạy Luyện từ và câu, tôi xin đưa ra một vài biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả dạy học với mục đích giúp giáo viên định hướng, tổ chức giờ dạy sao cho phát huy được khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân học sinh.

 Đây là loại bài tập chiếm tỉ lệ cao nhất so với các loại bài tập từ ngữ khác (khoảng 50%) trong phân môn Luyện từ và câu lớp Ba. Bài tập mở rộng vốn từ gồm các kiểu sau đây:

 - Bài tập mở rộng vốn từ theo chủ điểm.

 - Bài tập mở rộng vốn từ theo ý nghĩa khái quát.

 - Bài tập mở rộng vốn từ theo cấu tạo từ..

 - Bài tập mở rộng vốn từ qua trò chơi Giải ô chữ.

**a/ Dạy bài tập Mở rộng vốn từ theo chủ điểm:**

 Trong phân môn Luyện từ và câu ở lớp Ba thì dạng bài tập Mở rộng vốn từ theo chủ điểm chiếm tỉ lệ cao nhất.

 Nếu việc mở rộng vốn từ gắn với những văn bản đã học thì các từ ngữ cần tìm là một hệ thống đóng, với số lượng từ ngữ cụ thể, rõ ràng, tôi dựa vào từ mẫu cho sẵn trong sách giáo khoa để hướng dẫn học sinh tìm các từ cùng loại, cùng nằm trong một trường nghĩa, cùng thuộc một chủ điểm ( hoặc một phương diện của chủ điểm ) ở trong văn bản mà bài tập đã quy định.

 Các từ ngữ cùng chủ điểm có thể được tìm trong văn bản đã học hoặc ở ngoài văn bản ấy. Chỉ có điều sách giáo khoa không cung cấp hay áp đặt cho học sinh một danh sách từ có sẵn để các em thuộc lòng mà chỉ nêu định hướng để các em dựa vào văn bản đã học hoặc huy động vốn từ tiềm tàng của bản thân, bạn bè trong lớp để đưa các từ ấy vào một hệ thống để kiểm soát và vận dụng.

 ***Ví dụ 1:***

 Dựa vào các bài tập đọc và chính tả đã học ở tuần 21, 22, em hãy tìm các từ ngữ:

 a. Chỉ trí thức **M:** bác sĩ

 b. Chỉ hoạt động của trí thức **M:** nghiên cứu

 ( *Bài tập 1- Tiếng Việt 3 tập 2 - trang 35* )

 Dạy bài tập này trước hết cần hướng dẫn học sinh dựa vào sách giáo khoa để xác định chủ điểm các bài tập đọc, chính tả ở tuần 21, 22. Sau đó, ở từng văn bản mà tôi hướng dẫn học sinh tìm các từ ngữ mà bài tập yêu cầu --> Cuối cùng, xây dựng bảng tổng hợp kết quả làm bài tập. Có thể hướng dẫn học sinh trình bày ở bảng phụ như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| VĂN BẢN | TỪ NGỮ TÌM ĐƯỢC |
| Chỉ trí thức | Chỉ hoạt động của trí thức |
| - Ông tổ nghề thêu | Tiến sĩ | đọc sách, học, quan sát |
| - Lê Quý Đôn | Tiến sĩ, nhà bác học | đọc, viết, sáng tác |
| - Bàn tay cô giáo- Người trí thức yêu nước- Bài chính tả tuần 22 ( Tiếng Việt 3 tập 2 tr 29 ) | Thầy giáo, cô giáo, bác sĩ, kĩ sư | Dạy học, chữa bệnh, chế thuốc, chế tạo máy móc, nghiên cứu khoa học |
| - Nhà bác học và bà cụ | Nhà bác học | Chế ra đèn điện, xe điện |
| - Một nhà thông thái | Nhà thông thái, nhà bác học |  |

 Trong trường hợp nhiệm vụ mở rộng vốn từ không gắn với những văn bản đã học thì tập hợp các từ cần tìm là một hệ thống mở hay nói cách khác là các từ nằm trong một hệ thống liên tưởng tự do. Lúc này, tôi đã dựa vào các từ mẫu cho sẵn trong sách giáo khoa để gợi ý, hướng dẫn học sinh tìm từ, song việc gợi ý, hướng dẫn cần linh hoạt, cụ thể hơn.

 Tôi tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm theo các bước:

Bước 1:chia nhóm, giao nhiệm vụ, quy định thời gian và phân công vị trí làm việc.

Bước 2: Các nhóm thảo luận.

Bước 3: Đại diện nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác quan sát, lắng nghe, chất vấn, bình luận, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Tổng kết.

 Mục đích để các em dựa vào nhau mà khơi dậy vốn từ tiềm tàng của mình. Số lượng từ học sinh tìm được có thể không xác định.

 ***Ví dụ 2***:

 Em hãy tìm và ghi vào vở những từ ngữ:

 a. Chỉ những người hoạt động nghệ thuật **M**: diễn viên

 b. Chỉ các hoạt động nghệ thuật **M:** đóng phim

 c. Chỉ các môn nghệ thuật  **M**: điện ảnh

 ( *Bài tập 1- Tiếng Việt 3 tập 2 - trang 53* )

 Tôi yêu cầu học sinh nêu rõ từng yêu cầu của bài tập, sau đó có thể tổ chức trò chơi "Tiếp sức" ( Cho 2 đội chơi, mỗi đội 5 em )

 ***Chẳng hạn***: ở phần (a), tôi dùng 2 tờ phiếu khổ to, mời 2 nhóm lên bảng. Em thứ nhất tìm 1 từ ngữ, em thứ hai tìm tiếp --> cho đến hết thời gian rồi công bố kết quả. Như vậy có thể xảy ra 2 trường hợp:

 *Trường hợp 1*: Các từ ngữ đúng mà học sinh tìm được như: diễn viên, ca sĩ, nghệ sĩ múa, nghệ sĩ nhiếp ảnh, nhà thơ, hoạ sĩ, nhà quay phim, nhà điêu khắc, biên đạo múa, nhà tạo mốt.....

 *Trường hợp 2*: Học sinh có thể tìm ra các từ không đúng yêu cầu ở phần (a) như:

 + Đóng phim, quay phim, nặn tượng, biểu diễn nghệ thuật,... (1)

 + Điện ảnh, kịch nói, xiếc, ảo thuật (2)

 + Nhạc cụ, đàn sáo, chiêng trống ... (3)

 Do đó, tôi đã phát hiện kịp thời những từ "lạc hệ thống" mà học sinh tìm để chỉ ra chỗ chưa phù hợp và giải thích cụ thể cho từng nhóm từ.

 ***Chẳng hạn:*** Nhóm (1): đây là các từ chỉ hoạt động nghệ thuật chứ không chỉ những người hoạt động nghệ thuật. Nhóm (2): đây là những từ ngữ chỉ các bộ môn nghệ thuật. Nhóm (3): từ ngữ chỉ dụng cụ dùng trong biểu diễn nghệ thuật.

 **\* Tóm lại:** Với kiểu bài tập "Mở rộng vốn từ" theo chủ điểm, dù hệ thống từ đó có ở trong văn bản học sinh đã được học hay ở ngoài văn bản thì nhất thiết giáo viên phải biết lựa chọn khôn khéo, linh hoạt, dẫn dắt, gợi mở học sinh để các em mạnh dạn tìm ra từ ngữ theo ý hiểu của mình, nhằm từng bước khơi dậy vốn từ ngữ trong mỗi học sinh (mà vốn từ đó tiềm tàng ở ngay cuộc sống xung quanh các em ). Giúp các em tự tin, sáng tạo, vận dụng đúng các từ ngữ trong học tập và ngoài xã hội.

**b/ Dạy bài tập Mở rộng vốn từ theo ý nghĩa khái quát:**

 Các bài tập này giúp học sinh mở rộng, phát triển vốn từ về từ chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái, đặc điểm tạo tiền đề để học sinh học các từ loại: Danh từ, Động từ, Tính từ. Đây cũng là hình thức luyện tập củng cố kiến thức về từ loại mà học sinh đã học ở lớp 2.

 Dạy bài tập này, trước tiên tôi đề nghị học sinh giải thích hoặc tự mình giải thích cho học sinh (Tuỳ theo từng đối tượng học sinh) các khái niệm sau:

 - Sự vật: bao gồm người, con vật, đồ vật, cây cối…..

 - Hoạt động, trạng thái: cử chỉ, động tác, tư thế, tình trạng của người, vật,...

 - Đặc điểm: hình dáng, tính tình, màu sắc,...của người, vật,...

 Trên cơ sở đó,tôi hướng dẫn học sinh tìm các từ ngữ thuộc từng loại nói trên trong các văn bản. Vì từ là một khái niệm khó, học sinh lớp Ba lại chưa được học lí thuyết, do đó mà không nên đòi hỏi các em phải tìm được lời giải hoàn toàn chính xác.

 ***Ví dụ:*** Tìm từ chỉ sự vật trong khổ thơ sau:

 Tay em đánh răng

 Răng trắng hoa nhài

 Tay em chải tóc

 Tóc ngời ánh mai.

 (*Bài tập 1- Tiếng Việt 3 tập 1 - trang 8* )

 Với yêu cầu của bài tập này, tôi cho học sinh đọc nội dung, xác định yêu cầu của bài, trao đổi nhóm để tìm các từ chỉ sự vật. Học sinh sẽ tìm được các từ chỉ sự vật là: tay em, răng, hoa nhài, tóc, ánh mai. Bên cạnh đó, có thể cho " tay" và "em" là hai từ, mỗi từ chỉ một sự vật khác nhau thì giáo viên cũng đều công nhận. Song cái chính ở đây là các em phân biệt được sự vật và từ chỉ sự vật với hoạt động, trạng thái, đặc điểm và từ chỉ hoạt động, trạng thái, đặc điểm.

c**/ Dạy bài tập Mở rộng vốn từ theo cấu tạo từ:**

 Kiểu bài tập này trong sách giáo khoa Tiếng Việt 3 chiếm tỉ lệ không nhiều nhưng đây lại là một mô hình bài tập đáng chú ý, bởi lẽ: mở rộng vốn từ theo cấu tạo từ nghĩa là dựa vào một yếu tố cấu tạo từ (tiếng) cho sẵn để tạo ra các từ có cùng kiểu cấu tạo trong đó có chứa yếu tố cấu tạo từ cho sẵn ấy. Mô hình cấu tạo từ có sức sản sinh cao, đo đó kiểu bài tập này có tác dụng lớn trong việc giúp học sinh mở rộng vốn từ. Về cách dạy, tôi hướng dẫn học sinh dựa vào từ mẫu cho sẵn trong sách giáo khoa để tìm từ có cùng kiểu cấu tạo, đáp ứng được yêu cầu của bài tập. Có thể tổ chức cho học sinh tìm từ dưới dạng các trò chơi tiếp sức hoặc thảo luận phiếu bài tập theo nhóm...

 ***Ví dụ:*** Kể tên các môn thể thao bắt đầu bằng những tiếng sau:

 a. bóng M: bóng đá

 b. chạy M: chạy vượt rào

 c. đua M: đua xe đạp

 d. nhảy M: nhảy cao

 ( *Bài tập 1- Tiếng Việt 3 tập 2 - trang 93* )

 Ở bài tập này, tôi tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm. Cụ thể là: Tôi chuẩn bị 3 tờ phiếu khổ to, chia lớp thành 3 nhóm lớn --> giao nhiệm vụ cho các nhóm làm theo yêu cầu của bài tập --> ghi từ tìm được ra giấy nháp. Sau đó, giáo viên dán lên bảng lớp 3 tờ phiếu khổ to --> mời 3 nhóm lên thi Tiếp sức trong một thời gian quy định --> Lớp nhận xét từng nhóm --> kết luận nhóm thắng cuộc ( là nhóm tìm được nhiều từ đúng nhất ). Tôi lấy bài của nhóm thắng cuộc làm chuẩn, viết bổ sung từ để hoàn chỉnh bảng kết quả ( Có thể giải thích thêm 1 số môn thể thao bằng lời mô tả hoặc tranh ảnh ). Gọi một vài học sinh đọc lại bảng từ:

|  |  |
| --- | --- |
| a. bóng | Bóng đá, bóng bàn, bóng rổ, bóng ném, bóng chuyền, bóng bầu dục, bóng nước,... |
| b. chạy | Chạy vượt rào, chạy việt dã, chạy vũ trang,... |
| c. đua | đua xe đạp, đua thuyền, đua ngựa, đua voi, đua mô-tô, ... |
| d. nhảy | Nhảy cao, nhảy xa, nhảy sào, nhảy ngựa, nhảy dù, .... |

 Như vậy, học sinh không những hiểu được nghĩa thực của từ, phấn khởi trong giờ học mà còn phát huy được sự hiểu biết về vốn từ của các em trong cuộc sống hàng ngày gần gũi xung quanh các em, giúp các em hiểu được đặc điểm, tính chất riêng của từng loại hoạt động, đồng thời khơi dậy thêm cho học sinh vốn hiểu biết nghĩa ban đầu của từng từ loại.

**d/ Dạy bài tập Mở rộng vốn từ qua trò chơi Giải ô chữ:**

 Dạng bài tập này cũng có chung mục đích giúp học sinh mở rộng vốn từ. Hình thức bài tập này có tính trực quan song lại là một trò chơi học tập nên dễ cuốn hút học sinh. Các từ ngữ cần tìm để điền vào ô chữ thường cùng nằm trong một chủ điểm, một trường nghĩa. Do đó, nó có tác dụng giúp học sinh mở rộng, phát triển vốn từ rất cao. Về cấu tạo, bài tập Giải ô chữ thường có hai phần: phần ô chữ và phần lời gợi ý. Ô chữ gồm nhiều dòng, mỗi dòng lại có nhiều ô. Học sinh cần điền các từ ngữ theo dòng. Mỗi chữ cái tạo nên từ ngữ ấy được điền vào 1 ô. Phần lời gợi ý cung cấp nghĩa hoặc những dấu hiệu giúp học sinh tìm ra từ ngữ cần điền vào từng dòng từ. Nếu biết phối hợp yêu cầu và gợi ý của hai phần với nhau thì chắc chắn học sinh sẽ tìm được từ cần điền thích hợp. Qua đó mở rộng được vốn từ và nắm nghĩa của từ.

 Về cách dạy bài tập này, tôi cho học sinh đọc các yêu cầu của bài tập rồi dựa vào chữ điền mẫu và phần gợi ý hướng dẫn học sinh tìm từ cần điền ở từng dòng ngang. Ở những bài tập này, nhất thiết giáo viên phải sử dụng đồ dùng dạy học: bảng phụ, phiếu học tập....

 Về cách dạy bài tập này, tôi cho học sinh đọc các yêu cầu của bài tập rồi dựa vào chữ điền mẫu và phần gợi ý hướng dẫn học sinh tìm từ cần điền ở từng dòng ngang. Ở những bài tập này, nhất thiết giáo viên phải sử dụng đồ dùng dạy học: bảng phụ, phiếu học tập,...

**Ví dụ** :

Chủ điểm Cộng đồng

 Ô chữ: CỘNG ĐỒNG

 1.Mục đích:

 - Rèn kĩ năng đoán nhanh từ khi biết nghĩa;

 - Củng cố nghĩa từ và mở rộng vốn từ ngữ cho HS đồng thời rèn trí thông minh và khả năng phản ứng nhanh.

 2. Chuẩn bị: Phần mềm PowerPoint để trình chiếu ô chữ

  3. Cách tiến hành:

 Với bài tập trên, tôi chiếu nội dung bài tập lên bảng, sau đó gọi một vài học sinh nối tiếp nhau đọc nội dung yêu cầu của bài tập. Cả lớp đọc thầm và quan sát ô chữ điền mẫu. Sau đó chỉ bảng, nhắc lại từng bước thực hiện bài tập:

 B1: Dựa theo lời gợi ý, các em phải đoán xem đó là từ gì?

 B2: Ghi từ vào ô trống theo hàng ngang ( viết chữ in hoa ), mỗi ô 1 chữ cái.

 B3: Sau khi điền đủ các từ hàng ngang, em sẽ đọc để biết từ mới xuất hiện ở cột in màu là từ nào theo gợi ý của bài. Học sinh trao đổi nhóm đôi --> Đại diện các nhóm lên điền ô chữ --> Giáo viên và học sinh cùng nhận xét, kết luận.

 Với bài tập trên cũng có thể có cách làm khác:

 \* Học sinh hỏi theo nội dung của một dòng bất kì --> Học sinh khác trả lời --> Lớp nhận xét đúng sai --> Giáo viên ghi ý kiến đúng vào ô chữ.

 \* Chọn 10 học sinh cho điểm danh từ 2 đến 8 --> Giáo viên gọi 1 số bất kì trong các số từ 2 đến 8. Học sinh mang số đó phải trả lời. Em đó trả lời đúng sẽ được gọi 1 bạn mang số bất kì tiếp theo. Nếu học sinh trả lời sai phải nhờ bạn khác giải đáp hộ thì người giải đáp lại có quyền gọi một bạn mang số khác. Cứ như vậy cho đến hết.

Các từ hàng ngang là những từ có tiếng cộng hoặc tiếng *đồng* có nghĩa chung là những người trong cộng đồng.

 1. Những người cùng chí hướng

 2. Những người cùng làm một việc

 3. Những người cùng tuổi

 4. Những người cùng học một khoá

 5. Những người cùng đội ngũ

 6. Những người cùng độ tuổi từ 6 đến 9 tuổi.

 7. Cùng nghĩa với đồng niên

 8. Những người cùng nghề

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | 1 |  |  |  |  | c |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  | 2 |  | é |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | 3 |  |  |  |  | n |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  | 4 |  |  |  | g |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | 5 |  |  |  |  | ® |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | 6 |  |  |  |  | å |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 7 |  |  |  |  |  |  | n |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | 8 |  |  |  |  |  | g |  |  |  |  |  |  |  |  |

 Đáp án: Các từ hàng ngang lần lượt là: Đồng chí, cộng sự, đồng niên, đồng khoá, đồng đội, nhi đồng, đồng nghiệp.

Hãy tìm từ hàng dọc trong ô chữ với những gợi ý về các từ hàng ngang theo thứ tự.

 Như vậy, qua bài tập giải ô chữ, học sinh được mở rộng vốn từ về chủ điểm: Cộng đồng. Tiết học diễn ra nhẹ nhàng, hiệu quả. Thông qua trò chơi học tập, học sinh còn được phát triển cả về trí tuệ, kĩ năng quan sát, óc phán đoán chính xác, óc liên tưởng giúp các em hiểu chắc, nhớ lâu về từ.

**Ví dụ 2: Chủ điểm Thành thị, nông thôn**

 Ô chữ: THÀNH PHỐ

 1.Mục đích:

- Củng cố từ và mở rộng vốn từ ngữ về thành thị, nông thôn cho HS đồng thời rèn trí thông minh và khả năng phản ứng nhanh.

- Rèn kĩ năng đoán nhanh từ khi biết nghĩa;

2. Chuẩn bị:

 Phần mềm PowerPoint để trình chiếu ô chữ

3. Cách tiến hành:

Với trò chơi này, tôi tiến hành chia lớp thành các nhóm. Tôi nêu câu hỏi gợi ý để học sinh giải từng ô chữ hàng ngang theo thứ tự từ trên xuống. Từng nhóm ghi lại những từ đó vào bảng phụ (đã được chia theo số lượng nhóm), hoặc ghi vào giấy nháp để đọc lên. Thời gian viết khoảng 2- 3 phút. Sau đó các nhóm báo cáo kết quả- đối chiếu kết quả đúng. Nhóm nào tìm đúng được nhiều từ nhóm đó giành chiến thắng.

 Từ ngữ ở hàng ngang là các từ ngữ chỉ sự vật ở nông thôn và thành phố, các em hãy dựa vào các chữ cái ở từ hàng dọc và các gợi ý để tìm nhanh từ ngữ ở hàng ngang.

 1. Cửa hàng rất lớn bán thực phẩm và hàng hoá đủ loại, người mua tự vào chọn hàng rồi ra quầy thanh toán.

 2. Nơi để cho mọi người ở tạm.

 3. Nơi ở của các gia đình.

 4. Vườn công công cộng, mọi người thường đến thư giãn, vui chơi.

 5. Nơi để học tập

 6. Nơi mọi người đi lại

 7. Tủ hoặc giá quây quanh người bán hàng

 8. Người ta trồng nhiều làm xanh, đẹp phố

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | 1 |  |  |  |  | t |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  | 2 |  | h |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  | 3 |  |  | µ |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  | 4 |  |  | n |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 5 |  |  |  |  |  |  | h |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | 6 |  |  |  |  |  | p |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | 7 |  |  |  |  | h |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | 8 |  |  |  |  | è |  |  |  |  |  |  |  |  |

 ĐÁP ÁN: Các từ hàng ngang lần lượt là: siêu thị, khách sạn, nhà cửa, công viên, trường học, đường phố, quầy hàng, cây cối.

Thông qua trò chơi học tập, học sinh còn được phát triển cả về trí tuệ, kĩ năng quan sát, óc phán đoán chính xác, óc liên tưởng giúp các em hiểu chắc, nhớ lâu về từ. Như vậy, qua bài tập giải ô chữ, học sinh được mở rộng vốn từ về chủ điểm: Thành thị, nông thôn.

4.3.3**. Dạy học kết hợp giáo dục kĩ năng sống, giáo dục Biển, Hải đảo….. cho học sinh.**

 Giáo dục kĩ năng sống, giáo dục Biển, Hải đảo cho học sinh là hình thành cho các em khả năng làm chủ bản thân, khả năng ứng xử phù hợp với những người khác và xã hội, khă năng ứng phó tích cực trước các tình huống của cuộc sống, học sinh biết yêu quý quê hương, đất nước của mình hơn nên rất cần thiết để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Giáo dục kĩ năng sống, giáo dục Biển, Hải đảo cho học sinh không chỉ thể hiện ở nội dung dạy học mà còn thể hiện qua phương pháp dạy học của giáo viên vì vậy tôi đã phải vận dụng nhiều phương pháp dạy học như phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh như: thực hành giao tiếp, trò chơi học tập, phương pháp nêu và giải quyết vấn đề, phương pháp hỏi đáp,...Thông qua các hoạt động học tập được phát huy trải nghiệm, rèn kĩ năng hợp tác, bày tỏ ý kiến cá nhân, đóng vai,... Học sinh có được cơ hội rèn luyện, thực hành nhiều kĩ năng sống cần thiết.

Ví dụ: Bài : Từ ngữ về Thể thao. Dấu phẩy( TV 3 trang 93)

 Qua bài học giáo dục các kĩ năng sống: Kĩ năng tư duy sáng tạo; kĩ năng tự nhận thức; kĩ năng giao tiếp.

Giáo dục Biển, Hải đảo qua bài: Từ ngữ về quê hương( phần liên hệ: Em đã được đi biển bao giờ chưa? Em đã làm gì để giữ gìn những cảnh đẹp đó? qua đó giáo dục học sinh biết vẻ đẹp của biển, giáo dục tình yêu biển cả).

**4.3.4. Dạy - học mở rộng vốn từ theo các đối tượng học sinh.**

 Như chúng ta đã biết, sự nhận thức của mỗi em trong một lớp là khác nhau.Vậy để giờ học thực sự có hiệu quả thì tôi đã nghiên cứu kĩ nội dung trong bài, thiết kế bài dạy, căn cứ vào Hướng dẫn điều chỉnh việc dạy và học cho học sinh tiểu học và Chuẩn kiến thức kĩ năng quy định từng nội dung cụ thể, từng bài để tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với mỗi nhóm đối tượng học sinh.

 Tôi đã chú ý đến năng lực, sở trường của từng học sinh trong mỗi tiết học. Phát huy năng lực của học sinh tiếp thu nhanh không để học sinh tiếp thu đứng ngoài lề mỗi tiết học. Tích cực hoá hoạt động học tập của học sinh trong các giờ học, tăng cường tổ chức cho học sinh tham gia thực hành kiến thức kĩ năng.

 Khi chốt lại kiến thức từng phần, từng nội dung, từng bài, tổ chức cho các đối tượng học sinh được tham gia, tôi gợi ý để học sinh chốt lại kiến thức trọng tâm theo Chuẩn kiến thức kĩ năng.

 Ví dụ: Bài Mở rộng vốn từ về Lễ hội.( SGK TV 3 tr 70 )

 Bài 2: Nêu tên một số lễ hội, một số hội và một số hoạt động trong lễ hội và hội.

 Với bài này, tôi gọi 2 học sinh nêu yêu cầu của đề bài, xác định yêu cầu đề .

 Với học sinh tiếp thu nhanh, các em dựa vào kiến thức đã học và thực tế các em đã được xem để làm bài. Sau khi làm xong có thể giải thích về một số lễ hội, hội, trò chơi trong lễ hội và hội.Với học sinh tiếp thu còn hạn chế tôi cho học sinh dựa vào các bài tập đọc đã học để trả lời: Sự tích lễ hội Chử Đồng Tử, lễ hội chùa Hương… sau đó giáo viên gợi ý để học sinh tìm ra một số hoạt động trong lễ hội….

 Sau khi thực hành xong cho học sinh nêu lại tên một số hội, lễ hội, hoạt động trong lễ hội (Học sinh tiếp thu chậm) trả lời.

4.3.5 **Dạy - học mở rộng vốn từ phối hợp với các môn học khác.**

 Dạy học mở rộng vốn từ cho học sinh không chỉ dừng lại ở phân môn Luyện từ và câu mà còn kết hợp với các môn học khác đặc biệt là phân môn Tập đọc , Tập làm văn, Tập viết, Chính tả…Có như vậy mới giúp vốn từ của học sinh được mở rộng, phong phú hơn. Học sinh hiểu nghĩa từ mới có thể đọc bài tập đọc hay, hiểu nghĩa từ mới viết câu văn đúng, câu văn sinh động, hiểu nghĩa từ mới có thể viết đúng chính tả…Như vậy trong các môn học khác, học sinh được trang bị vốn từ tương đối hoàn chỉnh, giúp các em năng cao hiểu biết và vận dụng đạt hiệu quả.

 Ví dụ : Khi dạy các bài tập đọc tuần 21, 22 tôi đã giúp các em hiểu từ tiến sĩ, nhà bác học, nhà thông thái….để mở rộng cho các em vốn từ chỉ trí thức…

 4.3.***6.* Sử dụng triệt để đồ dùng dạy học và đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong giờ dạy Luyện từ và câu:**

 \* Khái niệm:

 Đồ dùng dạy học là một tập hợp những đối tượng vật chất được giáo viên sử dụng với tư cách là nhữngphương tiện điều khiển hoạt động nhận thức cho học sinh, đối với học sinh đó là nguồn tri thức phong phú sinhđộng, là các phương tiện giúp cho các em lĩnh hội tri thức và rèn luyện các kĩ năng, kĩ xảo.

 \* Vai trò của đồ dùng dạy học trong phát triển năng lực:

- Giúp học sinh thu nhận thông tin về các sự vật hiện tượng một cách sinh động, đầy đủ, chính xác. Qua đó hình thành biểu tượng một cách rõ nét.

- Giúp học sinh nắm kiến thức mới, dễ hiểu bài, nhớ lâu kiến thức bài học.

- Phù hợp với tâm lí học sinh, gây hứng thú cho học sinh trong học tập, phát triển tư duy đặc biệt là tư duy phân tích tổng hợp khái quát đối chiếu các sự vật hiện tượng.

- Giúp giáo viên trình bày bài giảng một cách đầy đủ, chính xác, sinh động, hấp dẫn qua đó nâng cao hiệu quảbài dạy.

- Tiết học diễn ra nhẹ nhàng hơn - tự nhiên hơn - hiệu quả hơn.

 Ngoài việc sử dụng đồ dùng dạy học thì trong các tiết dạy Luyện từ và câu, tôi đã soạn giáo án điện tử và sử dụng máy chiếu đa năng như một công cụ hỗ trợ hoạt động dạy học. Đó là phương tiện dạy học hiện đại có tác dụng kích thích hứng thú học tập của HS. Hiệu quả giờ học cao hơn.

Vậy để tiết dạy có hiệu quả, cần chú ý một số nguyên tắc sau:

+ Khi thiết kế, các saile phải rõ ràng, màu sắc hài hoà, cỡ chữ vừa phải. Tránh tạo phông nền và màu chữ loè loẹt. Các hiệu ứng phù hợp, tránh lạm dụng nhiều hình ảnh động để phân tán suy nghĩ của các em.

+ Nội dung các hoạt động phải có sự liên kết. Các đáp án đưa ra phải chính xác (hoặc các phương án mở) không nên áp đặt máy móc cho HS.

 4.3.7 **Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh.**

 \* Khái niệm

 Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là hoạt động giáo dục, trong đó, dưới sự hướng dẫn và tổ chức của giáo viên, từng cá nhân học sinh được tham gia trực tiếp vào các hoạt động thực tiễn khác nhau của đời sốnggia đình, nhà trường cũng như ngoài xã hội với tư cách là chủ thể của hoạt động, qua đó phát triển năng lực thực tiễn, phẩm chất nhân cách và phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhânmình.

 \* Vai trò của hoạt động trải nghiệm trong phát triển năng lực:

- Phát triển năng lực tư duy, sáng tạo, giải quyết vấn đề của học sinh.

- Phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh, giúp các em có cách nhìn toàn diện hơn trước các hiện tượng,sự việc nảy sinh trong hoạt động, cuộc sống hàng ngày.

\* Cách tiến hành:

Bước 1: Phổ biến về nội dung và kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm.

Bước 2: Tổ chức hoạt động trải nghiệm.

Bước 3: Đánh giá, tổng kết việc thực hiện hoạt động trải nghiệm.

 4.3.8 **Phối hợp với các môn học khác.**

 Trong trường Tiểu học các môn học có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, môn nọ là nền tảng để học tốt môn kia. Vìvậy trong quá trình giảng dạy, tôi luôn tích hợp kiến thức của các môn học có liên quan như: Đạođức, Mĩ thuật ..để giúp học sinh phát triển năng lực vận dụng, sáng tạo.

 **Tóm lại:**

Mở rộng vốn từ cho học sinh lớp Ba là một tiền đề nhằm phát triển tư duy, nhận thức về mọi mặt của các em như: đời sống xã hội, thế giới khách quan. Do đó, với tất cả các bài tập về Mở rộng vốn từ yêu cầu giáo viên phải đặc biệt coi trọng và vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học để khơi dậy hết mọi khả năng tiềm tàng về từ của từng học sinh, làm cho các em thích học, say sưa với môn học và có một vốn từ phong phú.

 Có thể nói, dạy Luyện từ và câu ở lớp Ba là dạy một kĩ năng tìm hiểu nghĩa của từ. Mặc dù các em đã được làm quen từ năm học lớp Hai ở mức độ đơn giản, song nếu ở lớp Ba các em không có vốn từ phong phú, không hiểu nghĩa và đặc điểm ngữ pháp của từ thì không thể đặt câu đúng được, không thể có ngôn ngữ giao tiếp hay được.

 Như vậy, người giáo viên phải coi trọng ngay từ đầu việc dạy các bài tập về Mở rộng vốn từ cho học sinh. Trong giờ học, cần có nhiều hình thức tổ chức hợp lí, sinh động, khéo léo, sử dụng nhiều biện pháp hay để giờ học đạt hiệu quả mong muốn. Đặc biệt, cần coi trọng các phương pháp luyện tập thực hành, thảo luận, vấn đáp, gợi mở, trò chơi, sử dụng đồ dùng trực quan ở từng khâu cụ thể nhằm đảm bảo tốt các yêu cầu của việc dạy Luyện từ và câu. Có như vậy mới thực sự lôi cuốn học sinh tích cực, say mê tìm tòi sáng tạo trong học tập môn học, đông thời nâng cao chất lượng hoc Luyện từ và câu nói riêng và môn Tiếng Việt nói chung.

\* \* \* \* \* \* \* \*

 **DẠY THỰC NGHIỆM:**

 Để đánh giá tính khả thi của đề tài, chúng tôi đã tổ chức dạy thực nghiệm kiểu bài tập về Mở rộng vốn từ trong một số tiết Luyện từ và câu ở học kì I, năm học 2020 - 2021

 Lớp dạy thực nghiệm: Lớp 3A - Sĩ số: 30 học sinh.

 Lớp dạy đối chứng : Lớp 3B - Sĩ số: 30 học sinh.

 Sau đây, tôi xin minh hoạ một bài dạy kiểu bài tập về Mở rộng vốn từ theo hướng đổi mới như đã trình bày ở phần trên:

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU:**

**NHÂN HÓA. ÔN CÁCH ĐẶT VÀ TRẢI LỜI CÂU HỎI “Ở ĐÂU?”**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

 - Tiếp tục học về nhân hóa: nắm được 3 cách nhân hóa (Bài tập 2).

- Tìm được bộ phận câu, trả lời cho câu hỏi “Ở đâu?” (Bài tập 3). Trả lời được cho câu hỏi về thời gian, địa điểm trong bài tập đọc đã học.

**2. Kĩ năng:** Rèn kĩ năng nói và viết khi sử dụng biện pháp nhân hóa.

**3. Thái độ:** Bồi dưỡng từ ngữ về tiếng Việt.

**4. Góp phần phát triển năng lực:** Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng:**

- Giáo viên: Viết đoạn văn thiếu dấu phẩy sau các bộ phận trạng ngữ chỉ thời gian. 2 tờ giấy A4 viết nội dung bài tập 1. Bảng phụ viết 3 câu văn bài tập 3.

- Học sinh: Sách giáo khoa.

**2. Phương pháp, kĩ thuật:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

 - Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Hoạt động khởi động (3 phút)**- Trò chơi “***Hái hoa dân chủ***”: - Gọi 1 học sinh điều hành chung:+ Đồng nghĩa với từ **Tổ quốc**?+Từ cùng nghĩa với từ **Bảo vệ**? + Từ cùng nghĩa với từ **Xây dựng**?+ Học sinh đặt câu với từ xây dựng.- Kết nối kiến thức.- Giới thiệu bài mới - Ghi bảng đầu bài. | - Học sinh tham gia chơi.+ đất nước, nước nhà, non sông, giang sơn.+ giữ gìn, gìn giữ.+ xây dựng, kiến thiết.+ Chúng em quyết tâm học thật tốt để xây dựng tập thể 3A vững mạnh.- Học sinh nghe giới thiệu, ghi bài. |
|  **2. Hoạt động thực hành (28 phút):****\*Mục tiêu:** - Nắm được 3 cách nhân hóa- Tìm được bộ phận câu, trả lời cho câu hỏi “**Ở đâu?”****\*Cách tiến hành:** |
| **Bài tập 1: (Cá nhân)** - Học sinh đọc diễn cảm bài thơ: “Ông mặt trời bật lửa”.- Mời 3 em đọc lại.**Bài tập 2: (Nhóm 6 – Cả lớp)**- Gọi học sinh đọc yêu cầu bài tập 2.- Yêu cầu cả lớp đọc thầm bài thơ.- Yêu cầu lớp đọc thầm lại gợi ý.- Dán 2 tờ giấy giấy lớn lên bảng. - Mời 2 nhóm mỗi nhóm 6 em lên bảng thi tiếp sức.*+ Những sự vật nào được nhân hóa?*- Chốt lại ý chính có 3 cách nhân hóa: gọi sự vật bằng những từ dùng để gọi con người; tả sự vật bằng những từ dùng để tả người; nói với sự vật thân mật như nói với con người.- Nêu câu văn khác có sử dụng biện pháp nhân hóa?**\* Ôn câu “Ở đâu?”****Bài tập 3: (Cá nhân – Cả lớp)**- Yêu cầu học sinh đọc bài tập 3. - Yêu cầu cả lớp làm vào vở bài tập.\*Giáo viên theo dõi, giúp đỡ học sinh tiếp thu chưa nhanh hoàn thành bài tập.- Giáo viên nhận xét và chốt lại lời giải đúng.- Giáo viên nhận xét chữa bài cho học sinh.- Giáo viên củng cố về cách tìm bộ phận trả lới câu hỏi “**Ở đâu?**”. | - Lắng nghe bạn đọc bài thơ.- 3 em đọc lại. Cả lớp theo dõi ở sách giáo khoa.- Một em đọc yêu cầu.- Cả lớp đọc thầm bài thơ; đọc thầm gợi ý.- Học sinh làm vào phiếu bài tập.- Đại diện 2 nhóm lên chia sẻ trước lớp \*Dự kiến kết quả:*+ mặt trời, mây, trăng sao, đất, mưa, sấm.* - 2 nhóm tham gia thi tiếp sức.- Cả lớp nhận xét, bình chọn nhóm thắng cuộc.- 1 em đọc bài tập, lớp đọc thầm.- Học sinh làm bài cá nhân, chia sẻ trước lớp.- Thống nhất kết quả:a) Trần Quốc Khái quê ở huyện Thường Tín, tỉnh Hà Nội.b) Ông được học nghề thêu ở Trung Quốc trong một lần đi sứ.c) Để tưởng nhớ công lao của Trần quốc Khái, nhân dân lập đền thờ ông ở quê hương ông.- Cả lớp sửa bài trong vở bài tập (nếu sai).- Cho HS tựu đặt câu hỏi có cụm từ Ở đâu- chỉ định bạn trả lời.- Nhận xét, bổ sung. |
| **3. Hoạt động ứng dụng (3 phút)** **4. Hoạt động sáng tạo (1 phút)** | - Đặt 1 câu hỏi có sử dụng từ để hỏi “Ở đâu?”- Tìm trong sách giáo khoa một đoạn văn, đoạn thơ có sử dụng phép nhân hóa và chỉ ra phép nhân hóa đó. |

**5. KẾT QUẢ THU ĐƯỢC SAU KHI ÁP DỤNG KINH NGHIỆM.**

Sau khi đã dạy ở lớp 3A theo hướng đã nêu ở trên, tôi thấy chất lượng về hiểu và sử dụng từ của học sinh được nâng lên rõ rệt.

 Để đối chứng kết quả, chúng tôi cũng tổ chức dạy bài đó ở lớp 3A theo đúng nội dung, tiến trình các bước lên lớp theo hướng dẫn ở SGV- Tiếng Việt 3 tập 1. Đồng thời, chúng tôi ra một số bài tập để kiểm tra chất lượng của học sinh cả hai lớp. Sau khi nhận xét, chúng tôi đã thống kê được kết quả như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số |  VỐN TỪ |  HIỂU NGHĨA TỪ |
| Tìm đúng từ | Tìm chưa chính xác | Không tìm được | Hiểu đúng nghĩa | Hiểu chưa đúng | Không hiểu |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 3A |  30 | 25 | 83,3 | 5 | 16,7 | 0 | 0 | 26 | 86,7 | 4 | 13,3 | 0 | 0 |
| 3B | 30 | 19 | 63,3 | 9 | 30 | 2 | 6,7 | 18 | 60 | 10 | 33,3 | 2 | 6,7 |

 Dựa vào thực nghiệm dạy-học theo mô hình nghiên cứu trên, qua khảo sát kiểm tra, tôi thấy chất lượng nắm từ ngữ của học sinh của lớp đã được nâng lên rõ rệt. Giáo viên đã thực sự linh hoạt trong việc kết hợp sử dụng hài hoà nhiều phương pháp dạy học, không "làm hộ" và cũng không "khoán trắng" cho học sinh.

**6. KHẢ NĂNG ÁP DỤNG CỦA KINH NGHIỆM:**

- Có thể áp dụng cho tất cả giáo viên giảng dạy lớp 3.

**7. HIỆU QUẢ CỦA KINH NGHIỆM:**

 Qua quá trình áp dụng kinh nghiệm trên, tôi thấy để phát huy được hết khả năng sáng tạo của học sinh, giúp học sinh yêu thích môn học, biết dùng từ, đặt câu chính xác. Đồng thời, việc chú trọng "Mở rộng vốn từ, tìm hiểu từ" đã được giáo viên đặc biệt quan tâm. Đó chính là khởi đầu cho thấy kinh nghiệm dạy bài tập về Mở rộng vốn từ cho học sinh lớp Ba bước đầu có hiệu quả.

  **PHẦN III: KẾT LUẬN**

**1. Khẳng định kết quả mà kinh nghiệm mang lại:**

 Sau khi dạy áp dụng kinh nghiệm, tôi nhận thấy học sinh được phát triển toàn diện; kiến thức, năng lực và phẩm chất đồng thời rất hứng thú, ham  thích khám phá tìm tòi không chỉ trên lĩnh vực phân môn Luyện từ và câu mà trên nhiều hoạt động khác trong cuộc sống. Các từ ngữ được các em ghi nhớ có chủ định gắn liền tình huống thực tế và vận dụng thiết thực nên vốn từ được các em tiếp thu và tích lũy một cách tự nhiên, phong phú và bền vững, Các em bước đầu có sự tự tin, biết vận dụng trong giao tiếp (cả nói và viết). Học sinh thấy yêu thích môn Tiếng Việt hơn. Còn giáo viên thì hào hứng hơn, phát huy được sự sáng tạo, tìm tòi, tích cực thiết kế các tình huống, ứng dụng công nghệ công nghệ thông tin nhằm tăng hiệu quả trong các hoạt động tổ chức dạy học cho học sinh. Việc đó cũng giúp cho bản thân tôi tăng thêm vốn hiểu biết, tích lũy thêm kinh nghiệm, thay đổi tư duy trong giảng dạy.Có được kết quả đó là trong quá trình giảng dạy, tôi luôn áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy nên đã phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh, giúp các em học tập một cách tự nhiên, nhẹ nhàng và hiệu quả. Chất lượng học sinh tăng lên rõ rệt. Học sinh mở rộng được vốn từ nên khi viết câu văn của các em ít có từ dùng sai hơn. Đặc biệt rèn kĩ năng nói, diễn đạt của các em rất mạch lạc, phong phú, tự nhiên. Nhiều câu văn hay, từ ngữ ''đắt'' gây sự bất ngờ thú vị, có sức gợi cảm lớn. Điều đó chứng tỏ vốn từ của các em được nâng lên, các em biết sử dụng vốn từ một cách hợp lý hơn, sinh động hơn. Sau mỗi giờ học gây được sự sảng khoái, ham thích học tập.

Tôi luôn chủ động trong mọi tình huống, gợi cho học sinh suy nghĩ. Phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo của học sinh, tạo thói quen tự học, tự tìm tòi kiến thức.Trong giảng dạy nghiên cứu người giáo viên phải kiên trì, bền bỉ tránh nôn nóng khi chưa thấy kết quả. Tìm cách khắc phục những điểm yếu, những điểm chưa phù hợp để lựa chọn được phương pháp tối ưu.Không ngừng học hỏi nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn phục vụ đáp ứng yêu cầu giáo dục hiện nay.

**2. Khuyến nghị:**

 Do đó, để việc dạy- học đạt kết quả cao, tôi xin mạnh dạn đề nghị:

\* Đối với giáo viên:

 - Phải nắm chắc chức năng, nhiệm vụ của phân môn, đồng thời cần trau dồi cho mình kiến thức từ ngữ phong phú, ngôn ngữ chuẩn xác, diễn đạt phải trong sáng, mạch lạc, rõ ràng.

 - Chuẩn bị kĩ bài, xác định đúng kiến thức trọng tâm của mỗi bài dạy: Cần dạy vấn đề gì? Dạy như thế nào? Từ đó lựa chọn phương pháp cho thích hợp.

 - Việc cung cấp từ theo chủ đề cần chọn lọc nhưng phải đảm bảo "từ" vừa gần gũi, vừa sinh động để học sinh dễ vận dụng trong giao tiếp.

 - Cần đặt việc dạy-học Luyện từ và câu trong mối liên hệ thường xuyên với các phân môn, môn học khác như Tập đọc, Kể chuyện, Chính tả, Tập làm văn.

- Tăng cường làm đồ dùng và sử dụng đồ dùng dạy học trong các tiết dạy (nếu có thể).

\* Đối với học sinh:

 - Có đủ SGK, đồ dùng học tập của môn học, chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

 - Học tốt các bài Tập đọc-Kể chuyện làm điểm tựa cho việc tìm từ theo từng chủ đề.

 - Tập thói quen quan sát, phân tích (đồ dùng, tranh ảnh...) để tìm ra đặc điểm riêng của từng sự vật, hiện tượng.

\* Đối với nhà trường:

 - Tăng cường công tác dự giờ thăm lớp, tổ chức chuyên đề, hội thảo về dạy Luyện từ và câu nhằm rút kinh nghiệm, thống nhất phương pháp.

 - Khuyến khích giáo viên mạnh dạn đổi mới phương pháp để có nhiều giờ dạy đạt hiệu quả cao.

Trên đây là toàn bộ nội dung kinh nghiệm: ***“Dạy học Luyện từ và câu kiểu bài mở rộng vốn từ theo hướng phát triển năng lựccho học sinh lớp Ba ”.*** Mặc dù kết quả bước đầu có triển vọng tốt, song thời gian thực nghiệm chưa dài nên không tránh khỏi những sai sót.Tôi rất mong nhận được sự giúp đỡ, đóng góp ý kiến của các cấp lãnh đạo, các bạn đồng nghiệp để đề tài trọn vẹn hơn, có giá trị thực tế cao hơn, góp phần thực hiện đổi mới phương pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy-học ở môn Tiếng Việt nói chung và môn Luyện từ và câu nói riêng.

 *Tôi xin chân thành cảm ơn!*

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
|  | trang |
| **Phần I: MỞ ĐẦU** | **1** |
| **Tóm tắt sáng kiến** | **2** |
| **Phần II: NỘI DUNG** | **3** |
| **1. Cơ sở lí luận** | **3** |
| **2.Thực trạng của việc dạy học phân môn luyện từ và câu** | **4** |
| **2.1 Những thuận lợi và khó khăn** | **4** |
| **2.2. Những giải pháp cũ thực hiện** | **5** |
| **3. Các phương pháp thường sử dụng dạy học theo hướng phát triển năng lực** | **7** |
| **3.1. Phương pháp quan sát** | **7** |
| **3.2.Phương pháp thảo luận nhóm** | **8** |
| **3.3. Phương pháp trò chơi học tập** | **8** |
| **3.4.Phương pháp đóng vai** | **9** |
| **3.5. Phương pháp động não** | **10** |
| **4. Các biện pháp** | **11** |
| **4.1Nghiên cứu chương trình, mục tiêu bài dạy, định hướng soạn giảng** | **11** |
| **4.2. Chuẩn bị đồ dùng dạy học** | **11** |
| **4.3 Giảng dạy trên llớp** | **11** |
| **4.3.1 Tăng cường tính chủ động, nhận thức và khai thác vốn sống của học sinh** | **11** |
| **4.3.2. Dạy học tốt các dạng bài Mở rộng vốn từ.** | 11 |
| **4.3.3. Dạy học kết hợp giáo dục kĩ năng sống, giáo dục Biển, Hải đảo cho học sinh.** | **22** |
| **4.3.4. Dạy học mở rộng vốn từ theo các đối tượng học sinh.** | **22** |
| **4.3..5Dạy học mở rộng vốn từ phối hợp với các môn học khác** | **23** |
| **4.3.6.Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giờ dạy Luyện từ và câu.**  | **23** |
| **4.3.7.** **Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh** | **24** |
| **5. Kết quả thu được sau khi áp dụng kinh nghiệm** | **29** |
| **5. Khả năng áp dụng của kinh nghiệm** | **29** |
| **6. Hiệu quả của kinh nghiệm** | **29** |
| **Phần III: KẾT LUẬN** | **30** |
|  |  |

Sau khi thực hiện chuyên đề, chúng tôi nhận thấy học sinh được phát triển toàn diện; kiến thức, năng lực và phẩm chất đồng thời rất hứng thú, ham  thích khám phá tìm tòi không chỉ trên lĩnh vực phân môn Luyện từ và câu mà trên nhiều hoạt động khác trong cuộc sống. Các từ ngữ được các em ghi nhớ có chủ định gắn liền tình huống thực tế và vận dụng thiết thực nên vốn từ được các em tiếp thu và tích lũy một cách tự nhiên, phong phú và bền vững, Các em bước đầu có sự tự tin, biết vận dụng trong giao tiếp (cả nói và viết). Học sinh thấy yêu thích môn Tiếng Việt hơn. Còn giáo viên thì hào hứng hơn, phát huy được sự sáng tạo, tìm tòi, tích cực thiết kế các tình huống, ứng dụng công nghệ công nghệ thông tin nhằm tăng hiệu quả trong các hoạt động tổ chức dạy học cho học sinh. Việc thực hiện chuyên đề cũng giúp cho bản thân mỗi giáo viên tăng thêm vốn hiểu biết, tích lũy thêm kinh nghiệm, thay đổi tư duy trong giảng dạy.